

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 159/2010/NQ-HĐND

Tuy Hòa, ngày 18 tháng 10 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Về quy định mức chi đón tiếp khách nước ngoài
vào làm việc tại Phú Yên và mức chi tiếp khách trong nước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA V, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước;

Sau khi xem xét Tờ trình số 51/TTr-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Phú Yên và mức chi tiêu tiếp khách trong nước; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức chi đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Phú Yên và mức chi tiếp khách trong nước theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa V, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 18 tháng 10 năm 2010./.

CHỦ TỊCH

Đào Tấn Lộc

PHỤ LỤC**Về quy định mức chi đón tiếp khách nước ngoài
vào làm việc tại Phú Yên và mức chi tiếp khách trong nước**
*(Kèm theo Nghị quyết số 159/2010/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2010
của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)***I. Mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Phú Yên**

1. Đối với các đoàn khách nước ngoài vào làm việc do tỉnh đài thọ toàn bộ chi phí ăn, ở, đi lại trong nước:

a) Chi đón, tiễn khách tại sân bay:

Chi tặng hoa: tặng hoa cho trưởng đoàn là nữ đối với khách hạng C; mức chi tối đa 150.000 đồng/1 người.

b) Tiêu chuẩn về thuê chỗ ở:

- Đoàn khách hạng C (giá thuê phòng có bao gồm cả bữa ăn sáng):

+ Trưởng đoàn: Mức tối đa 2.000.000 đồng/người/ngày;

+ Đoàn viên: Mức tối đa 1.500.000 đồng/người/ngày.

- Khách mời quốc tế khác (giá thuê phòng có bao gồm cả bữa ăn sáng): Mức tối đa 500.000 đồng/người/ngày.

Trường hợp nghỉ tại nhà khách của cơ quan, đơn vị mà không tính tiền phòng hoặc trường hợp thuê khách sạn không bao gồm tiền ăn sáng trong giá thuê phòng thì cơ quan, đơn vị tiếp khách chi tiền ăn sáng tối đa bằng 10% mức ăn của 1 ngày/người đối với từng hạng khách. Tổng mức tiền thuê phòng và tiền ăn sáng không vượt quá mức chi thuê chỗ ở quy định nêu trên.

c) Tiêu chuẩn ăn hàng ngày (bao gồm 2 bữa trưa, tối):

- Đoàn là khách hạng C: Mức tối đa 400.000 đồng/ngày/người;

- Khách mời quốc tế khác: Mức tối đa 270.000 đồng/ngày/người;

Mức chi ăn hàng ngày nêu trên bao gồm cả tiền đồ uống (rượu, bia, nước uống sản xuất tại Việt Nam), chưa bao gồm các loại thuế phải trả nhà cung cấp dịch vụ theo quy định hiện hành.

d) Tổ chức chiêu đãi:

Khách hạng C: Mức chi tối đa không vượt quá 400.000 đồng/người;

Mức chi chiêu đãi trên bao gồm cả tiền đồ uống (rượu, bia, nước uống sản xuất tại Việt Nam) và được áp dụng cho cả đại biểu và phiên dịch phía Việt Nam tham gia tiếp khách (danh sách đại biểu phía Việt Nam được căn cứ theo đề án đón đoàn được cấp có thẩm quyền phê duyệt), chưa bao gồm các loại thuế phải trả nhà cung cấp dịch vụ theo quy định hiện hành.

đ) Tiêu chuẩn tiếp xã giao và các buổi làm việc:

Đoàn là khách hạng C: Mức chi nước uống, hoa quả, bánh ngọt, tối đa không quá 70.000 đồng/người/ngày (2 buổi làm việc).

Mức chi trên được áp dụng cho cả đại biểu và phiên dịch phía Việt Nam tham gia tiếp khách.

e) Chi dịch thuật:

- Biên dịch:

+ Tiếng Anh hoặc tiếng của một nước thuộc EU sang Tiếng Việt: Mức chi tối đa không quá 120.000 đồng/trang (tối thiểu mỗi trang phải đạt 350 từ của văn bản gốc);

+ Tiếng Việt sang Tiếng Anh hoặc tiếng của một nước thuộc EU: Mức chi tối đa không quá 150.000 đồng/trang (tối thiểu mỗi trang phải đạt 350 từ của văn bản gốc);

Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông mức chi biên dịch được phép tăng tối đa 30% so với mức chi biên dịch nêu trên.

- Dịch nói:

+ Dịch nói thông thường: Mức tối đa không quá 150.000 đồng/giờ/người, tương đương không quá 1.200.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng; tùy trường hợp cụ thể Thủ trưởng đơn vị quyết định mức chi cho phù hợp;

+ Dịch đũa (dịch đồng thời): Mức tối đa không quá 400.000 đồng/giờ/người, tương đương không quá 3.200.000 đồng/ngày/người làm việc 8 tiếng; tùy trường hợp cụ thể Thủ trưởng đơn vị quyết định mức chi cho phù hợp.

g) Chi tặng phẩm:

Đối với khách hạng C:

- Trưởng đoàn: Mức tối đa không quá 400.000 đồng/người;

- Các đại biểu khác: Mức tối đa không quá 300.000 đồng/người.

2. Đối với các đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại Phú Yên do khách tự túc ăn ở; Tỉnh chi các khoản chi phí lễ tân, chi phí đi lại trong nước:

Đối với khách hạng C, cơ quan chủ trì đón tiếp đoàn vào được chi để đón tiếp đoàn như sau: Chi đón tiếp tại sân bay; chi phí về phương tiện đi lại trong thời gian đoàn làm việc; chi phí tiếp xã giao các buổi làm việc; chi phí dịch thuật; chi văn hóa, văn nghệ và tặng phẩm; trong trường hợp vì quan hệ đối ngoại xét thấy cần thiết thì Thủ trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ đón tiếp có thể phê duyệt chi mời 01 bữa cơm thân mật.

Tiêu chuẩn chi đón tiếp và mức chi theo từng hạng khách như quy định tại điểm a, d, đ, e, g khoản 1 mục I nêu trên.

3. Đối với các đoàn khách nước ngoài vào làm việc tại Phú Yên do khách tự túc mọi chi phí:

Cơ quan, đơn vị có đoàn đến làm việc chỉ được chi để tiếp xã giao các buổi đoàn đến làm việc, mức chi như quy định tại điểm đ khoản 1 mục I nêu trên.

II. Mức chi tiếp khách trong nước

Đối tượng và mức chi tiếp khách như sau:

1. Đối với khách đến làm việc tại cơ quan, đơn vị: Chi nước uống mức chi tối đa không quá 20.000 đồng/người/ngày.

2. Chi mời cơm:

a) Mức chi tối đa không quá 200.000 đồng/1 suất, bao gồm các đoàn khách sau:

- Đoàn khách cấp Trung ương cùng các thành viên trong đoàn;

- Đoàn khách cấp tỉnh (trong và ngoài tỉnh): Gồm các vị giữ chức vụ là Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh; Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; Trưởng, Phó các sở, ban, ngành, đoàn thể và các chức danh tương đương cùng các thành viên trong đoàn.

b) Mức chi tối đa không quá 150.000 đồng/1 suất, bao gồm các đoàn khách sau:

- Đoàn khách cấp huyện (trong và ngoài tỉnh): Gồm các vị giữ chức vụ là Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp huyện; Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân và các Ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp huyện cùng các thành viên trong đoàn;

- Trưởng, Phó phòng, ban các sở, ban, ngành, đoàn thể và các chức danh tương đương cùng các thành viên trong đoàn; Trưởng, phó phòng, ban, đoàn thể cấp huyện và các chức danh tương đương cùng các thành viên trong đoàn;

- Đoàn khách cấp xã: Gồm các vị giữ chức vụ là Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Đoàn khách lão thành cách mạng; đoàn khách Bà mẹ Việt Nam anh hùng; đoàn khách già làng, trưởng bản; đoàn khách cơ sở là bà con người dân tộc ít người và một số trường hợp đặt biệt khác.

Các quy định khác còn lại không nêu trong Nghị quyết này thì được thực hiện theo Thông tư số 01/2010/TT-BTC và các quy định khác của pháp luật hiện hành./.